

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **102** /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày **15** tháng 3 năm 2017

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 14486/UBND-CN ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh về việc chủ trương cho Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Sơn Vũ lập hồ sơ cấp phép thăm dò đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Thọ Lập và xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Sơn Vũ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Thọ Lập và xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 272/TTr-STNMT ngày 07 tháng 3 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Sơn Vũ được thăm dò khoáng sản đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Thọ Lập và xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- Diện tích khu vực thăm dò: 7,2 ha thuộc xã Thọ Lập và xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, gồm 04 khu vực:

+ Tại xã Thọ Lập gồm 03 khu vực: Khu vực 1 có diện tích 1,7 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 6; khu vực 2 có diện tích 3,5 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 7 đến 12; khu vực 3 có diện tích 1,0 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 13 đến 16 có tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0 được xác định trên bản đồ kèm theo;

+ Tại xã Xuân Tín có 01 khu vực, diện tích 1,0 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 17 đến 20 có tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0 được xác định trên bản đồ kèm theo.

- Thời hạn thăm dò: 03 tháng kể từ ngày ký Giấy phép;

- Khối lượng thăm dò: Theo đề án được chấp thuận;

- Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn của đơn vị (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước);

- Lệ phí cấp giấy phép: 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

Điều 2. Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Sơn Vũ có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành; thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước.

2. Thực hiện thăm dò đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 của Giấy phép, Đề án đã được UBND tỉnh chấp thuận này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an toàn vật liệu nổ (*trường hợp thăm dò khoáng sản có sử dụng vật liệu nổ*); thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, phải kịp thời có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý theo quy định.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng đất san lấp và đất giàu sắt làm phụ gia xi măng cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản của UBND tỉnh và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Sơn Vũ chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công ty CP ĐTXD&TM Sơn Vũ;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (06b);
- UBND huyện Thọ Xuân;
- UBND các xã: Thọ Lập, Xuân Tín;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép thăm dò khoáng sản này được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký: ĐK/TD

Thanh Hóa, ngày..... tháng..... năm 2017

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Châu



Phụ lục số 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẤT SAN LẬP VÀ THU
HỒI KHOÁNG SẢN ĐI KÈM (ĐẤT GIÀU SẮT LÀM PHỤ GIA XI MĂNG)
TẠI XÃ THỌ LẬP VÀ XÃ XUÂN TÍN, HUYỆN THỌ XUÂN**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số : **102** /GP-UBND
ngày **15** tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0)	
		X(m)	Y(m)
Khu vực 1 $S_1 = 1,7$ ha	1	22 10 469.00	5 48 789.00
	2	22 10 559.00	5 48 750.00
	3	22 10 635.37	5 48 949.00
	4	22 10 565.00	5 48 967.00
	5	22 10 528.00	5 48 862.00
	6	22 10 499.00	5 48 866.00
Khu vực 2 $S_2 = 3,5$ ha	7	22 10 535.00	5 49 097.00
	8	22 10 608.00	5 49 201.00
	9	22 10 440.00	5 49 313.00
	10	22 10 331.00	5 49 497.00
	11	22 10 290.00	5 49 447.00
	12	22 10 391.00	22 10 391.00
Khu vực 3 $S_3 = 1,0$ ha	13	22 10 630.00	5 49 391.00
	14	22 10 570.00	5 49 537.00
	15	22 10 635.00	5 49 562.00
	16	22 10 683.40	5 49 415.00
Khu vực 4 $S_4 = 1,0$ ha	17	22 10 690.00	5 49 422.00
	18	22 10 672.00	5 49 500.00
	19	22 10 783.00	5 49 545.00
	20	22 10 821.58	5 49 482.00



Phụ lục số 3

KHÖN LÖÖNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU

(Phụ lục kèm theo Giấy phép thăm dò số: **402** /GP-UBND
ngày **15** tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	K. lượng	Ghi chú
I	Công tác trắc địa			
1	Lập lưới khống chế độ cao đo đạc	km	4,5	
2	Lập lưới khống chế mặt phẳng	km	4,5	
3	Đo vẽ địa hình TL 1/2 000	ha	9,0	
4	Đo vẽ mặt cắt tính trữ lượng 1:2000	km	1,185	
5	Định tuyến công trình	km	0,77	
6	Thu đo công trình địa chất 2 chiều	điểm	38	
II	Công tác địa chất			
	Lập bản đồ ĐCKS tỷ lệ 1:2000	ha	7,2	
III	Công tác ĐCTV-ĐCCT			
1	Ngoài trời	ha	7,2	
2	Trong phòng	ha	7,2	
IV	Công tác khai đào			
	Thi công giếng	m	144,4	
V	Công tác lấy mẫu			
1	Mẫu hóa	mẫu	46	
2	Mẫu cơ lý các loại	mẫu	34	
3	Mẫu xác định hệ số nở rời	mẫu	4	
VI	Gia công, phân tích mẫu			
1	Gia công mẫu hóa	mẫu	46	
2	Phân tích mẫu hóa (4 chỉ tiêu)	mẫu	46	
3	Phân tích mẫu cơ lý toàn diện	mẫu	10	
4	Phân tích mẫu cấp phối hạt	mẫu	10	
5	Phân tích mẫu cơ lý đá gốc toàn diện	mẫu	4	
6	Phân tích mẫu đầm nén	mẫu	6	
7	Phân tích mẫu thể trọng	mẫu	4	
8	Thí nghiệm xác định hệ số nở rời	mẫu	4	
VII	Lập báo cáo tổng kết			
1	Lập báo cáo tổng kết			
2	Đánh máy			